TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 31- 7 -2018.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Bê.
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mai Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 578/5, tổ 8, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Thanh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 578/5, tổ 8, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Thanh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 26/02/2008.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bên gia đình chồng mạt sát và vu khống chị có quan hệ tình cảm bất chính với người khác. Anh H không bênh vực chị mà còn chửi và đánh chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh H không còn quan tâm nhau và không thể sống chung được nữa, anh chị đã từng hòa giải nhưng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: Đoàn Tuấn V, sinh ngày 12/4/2005; Đoàn Ngọc Ân K, sinh ngày 16/11/2007; Đoàn Ngọc Kim N, sinh ngày 06/02/2012. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu K, để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Ngày 11/6/2018, chị đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Về án phí: Chị chịu án phí ly hôn, anh H chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Đoàn Thanh H trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về vấn đề xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Th.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 5 năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay ghen tuông dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Thỉnh thoảng trong lúc nóng giận, anh cũng có đánh chị Th. Hiện nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th, vẫn còn yêu thương vợ con nên chị Th yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Như chị Th trình bày là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý để chị Th nuôi cả 03 con, anh cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Về án phí: Anh đồng ý để chị Th chịu án phí ly hôn, anh sẽ chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc ban hành văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Th là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình sống chung, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 việc chị Th xin ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Đoàn Tuấn V, sinh ngày 12/4/2005; Đoàn Ngọc Ân K, sinh ngày 16/11/2007; Đoàn Ngọc Kim N, sinh ngày 06/02/2012. Chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung; cháu V , cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần tiếp tục giao 03 con chung cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung 3.000.000đ/tháng.

Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th và anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A,

huyện L, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 26/02/2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định của các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, xét thấy cả hai đều thừa nhận trong quá trình chung sống thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn đã trong thời gian dài, do anh chị thường xuyên cãi nhau, anh H ghen tuông và có đánh đập chị Th. Anh chị cũng đã tự hòa giải nhưng không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Nay anh H không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Th vì anh còn yêu thương chi Th, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng cũng không thành, chị Th Vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Như vậy, cho thấy giữa chị Th và anh H không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị Th và anh H.

[3] Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là: Đoàn Tuấn V, sinh ngày 12/4/2005; Đoàn Ngọc Ân K, sinh ngày 16/11/2007; Đoàn Ngọc Kim N, sinh ngày 06/02/2012. Tại đơn khởi kiện, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu K, để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Ngày 11/6/2018, chị Th có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Th là hợp pháp nên được chấp nhận. Anh H cũng đồng ý yêu cầu của chị Th nếu Tòa án án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét nguyện vọng của cháu V và cháu K là được sống với chị Th nên yêu cầu của chị Th là có căn cứ chấp nhận. Cần giao cháu V, cháu K, cháu N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần Thết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Th và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Th và anh H khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời K hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình đối với yêu cầu ly hôn. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai Th về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với anh Đoàn Thanh H, cho ly hôn giữa chị Th và anh H.

Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là: Đoàn Tuấn V, sinh ngày 12/4/2005; Đoàn Ngọc Ân K, sinh ngày 16/11/2007; Đoàn Ngọc Kim N, sinh ngày 06/02/2012. Giao cháu V, cháu K, cháu N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần Thết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th và anh H tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Thị, anh H khai không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002259 ngày 11/5/2018 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, chị Th đã nộp xong án phí. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con.

Chị Th, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa